BỘ TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG

Số: 06 /2016/TT-BTNMT

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 16 tháng 5 năm 2016

VĂN PHÒNG UBND TỈNH TÂY NINH
Số: 1985
ĐẾN Ngày: 20.6.16
Chuyển: Nông
Lưu

THÔNG TƯ

Quy định về loại bản tin và thời hạn dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn

Căn cứ Luật khí tượng thủy văn ngày 23 tháng 11 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số 21/2013/NĐ-CP ngày 04 tháng 3 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài nguyên và Môi trường;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu và Vụ trưởng Vụ Pháp chế;

Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường ban hành Thông tư quy định loại bản tin và thời hạn dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn.

Chương I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Thông tư này quy định chi tiết khoản 3 Điều 22 của Luật khí tượng thủy văn.

2. Thông tư này không áp dụng đối với các hoạt động dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn. Việc dự báo, cảnh báo thiên tai khí tượng thủy văn được thực hiện theo quy định tại Quyết định số 46/2014/QĐ-TTg ngày 15 tháng 8 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về dự báo, cảnh báo và truyền tin thiên tai.

Điều 2. Đối tượng áp dụng

Thông tư này áp dụng đối với hệ thống dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn quốc gia và tổ chức, cá nhân có hoạt động liên quan đến dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trên lãnh thổ nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. Hiện tượng thời tiết nguy hiểm là trạng thái, diễn biến bất thường của thời tiết có thể gây thiệt hại về người, tài sản ảnh hưởng đến môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế - xã hội.

2. Hiện tượng thủy văn nguy hiểm là trạng thái, diễn biến bất thường của các yếu tố thủy văn có thể gây thiệt hại về người, tài sản ảnh hưởng đến môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế - xã hội.

3. Hiện tượng hải văn nguy hiểm là trạng thái, diễn biến bất thường của các yếu tố hải văn, trạng thái mặt biển có thể gây thiệt hại về người, tài sản ảnh hưởng đến môi trường, điều kiện sống và các hoạt động kinh tế - xã hội trên biển.

4. Sông lớn là sông có diện tích lưu vực từ 10.000 km^2 trở lên.

Chương II

QUY ĐỊNH CHI TIẾT

Mục 1

THỜI HẠN DỰ BÁO, CẢNH BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

Điều 4. Thời hạn dự báo, cảnh báo thời tiết

1. Thời hạn cực ngắn: dự báo, cảnh báo đến 12 giờ.

2. Thời hạn ngắn: dự báo, cảnh báo từ trên 12 giờ đến 72 giờ.

3. Thời hạn vừa: dự báo, cảnh báo từ trên 03 ngày đến 10 ngày.

4. Thời hạn dài: dự báo, cảnh báo từ trên 10 ngày đến 30 ngày.

5. Thời hạn mùa (thời hạn khác): dự báo, cảnh báo từ trên 01 tháng đến 06 tháng.

Điều 5. Thời hạn dự báo, cảnh báo thủy văn

1. Thời hạn cực ngắn:

a) Đối với các sông vừa và nhỏ: dự báo, cảnh báo dưới 06 giờ;

b) Đối với các sông lớn: dự báo, cảnh báo dưới 12 giờ.

2. Thời hạn ngắn:

a) Đối với các sông vừa và nhỏ: dự báo, cảnh báo từ 06 giờ đến 24 giờ;

b) Đối với các sông lớn, trừ sông Cửu Long: dự báo, cảnh báo từ 24 giờ đến 48 giờ;

c) Đối với sông Cửu Long: dự báo, cảnh báo đến 05 ngày.

3. Thời hạn vừa:

a) Đối với các sông, trừ sông Cửu Long: mùa lũ dự báo, cảnh báo đến 05 ngày và mùa cạn dự báo, cảnh báo đến 10 ngày;

b) Đối với sông Cửu Long: cả mùa lũ và mùa cạn dự báo, cảnh báo đến 10 ngày.

4. Thời hạn dài: dự báo, cảnh báo từ trên 10 ngày đến 90 ngày.

5. Thời hạn mùa (thời hạn khác): dự báo, cảnh báo từ trên 03 tháng đến 06 tháng.

Điều 6. Thời hạn dự báo, cảnh báo hải văn

1. Thời hạn cực ngắn: dự báo, cảnh báo đến 12 giờ.

2. Thời hạn ngắn: dự báo, cảnh báo từ trên 12 giờ đến 72 giờ.

3. Thời hạn vừa: dự báo, cảnh báo từ trên 03 ngày đến 10 ngày.

4. Thời hạn dài: dự báo, cảnh báo từ trên 10 ngày đến 30 ngày.

Điều 7. Thời hạn dự báo khí hậu

1. Thời hạn ngắn: dự báo đến 01 năm.

2. Thời hạn vừa: dự báo từ trên 01 năm đến 10 năm.

3. Thời hạn dài: dự báo từ trên 10 năm đến 100 năm.

Điều 8. Thời hạn dự báo nguồn nước

1. Thời hạn ngắn: dự báo đến 07 ngày.

2. Thời hạn vừa: dự báo từ trên 07 ngày đến 30 ngày.

3. Thời hạn mùa (thời hạn khác): dự báo từ trên 01 tháng đến 06 tháng.

4. Thời hạn năm (thời hạn khác): dự báo từ trên 06 tháng đến 12 tháng.

Mục 2
LOẠI BẢN TIN DỰ BÁO, CẢNH BÁO KHÍ TƯỢNG THỦY VĂN

Điều 9. Bản tin dự báo, cảnh báo thời tiết

1. Bản tin dự báo, cảnh báo thời tiết thời hạn cực ngắn: dự báo, cảnh báo các yếu tố khí tượng và hiện tượng khí tượng có khả năng xảy ra tại một địa điểm hoặc khu vực trong thời hạn dự báo. Nội dung bản tin phải có tối thiểu các thông tin về mô tả hiện trạng, dự báo địa điểm xuất hiện, thời gian xuất hiện, cường độ hoặc giá trị yếu tố dự báo.

2. Bản tin dự báo, cảnh báo thời tiết thời hạn ngắn, bao gồm các loại bản tin sau:

a) Bản tin phân tích xu thế thời tiết: Nội dung bản tin phải có tối thiểu các thông tin về mô tả hiện trạng, hình thế thời tiết và dự báo xu thế diễn biến thời tiết cho các khu vực;

b) Bản tin dự báo, cảnh báo thời tiết trên đất liền: dự báo chi tiết các yếu tố khí tượng, hiện tượng khí tượng tại một địa điểm hoặc khu vực trên đất liền trong thời hạn dự báo và cảnh báo các hiện tượng thời tiết nguy hiểm có thể xảy ra. Nội dung bản tin phải có tối thiểu các thông tin về hiện tượng thời tiết, mây, nhiệt độ không khí, độ ẩm, hướng và tốc độ gió;

c) Bản tin dự báo, cảnh báo thời tiết trên biển: dự báo chi tiết các yếu tố khí tượng, hiện tượng khí tượng tại một khu vực trên biển trong thời hạn dự báo và cảnh báo các hiện tượng thời tiết nguy hiểm có thể xảy ra. Nội dung bản tin phải có tối thiểu các thông tin về hiện tượng thời tiết, tầm nhìn xa, hướng và tốc độ gió, trạng thái mặt biển.

3. Bản tin dự báo, cảnh báo thời tiết thời hạn vừa: gồm có bản tin phân tích xu thế thời tiết và bản tin dự báo, cảnh báo thời tiết. Nội dung các bản tin này tương tự như nội dung bản tin dự báo, cảnh báo thời tiết thời hạn ngắn.

4. Bản tin dự báo, cảnh báo thời tiết thời hạn dài và thời hạn mùa: phân tích, đánh giá diễn biến thời tiết đến thời điểm hiện tại, nhận định về xu thế nền nhiệt độ, lượng mưa theo từng thời kỳ tại một địa điểm hay khu vực cụ thể so với giá trị trung bình nhiều năm, nhận định khả năng xảy ra các hiện tượng thời tiết nguy hiểm trong thời hạn dự báo.

Điều 10. Bản tin dự báo, cảnh báo thủy văn

1. Bản tin dự báo, cảnh báo thủy văn thời hạn cực ngắn: dự báo các yếu tố thủy văn, hiện tượng thủy văn tại vị trí dự báo và cảnh báo các hiện tượng thủy văn nguy hiểm có khả năng xảy ra tại một địa điểm hoặc lưu vực sông cụ thể trong thời hạn dự báo. Nội dung bản tin phải có tối thiểu các thông tin về mô tả hiện trạng, diễn biến, mức độ hoặc giá trị của yếu tố dự báo.

2. Bản tin dự báo, cảnh báo thủy văn thời hạn ngắn: dự báo các yếu tố thủy văn, hiện tượng thủy văn tại vị trí dự báo và cảnh báo các hiện tượng thủy văn nguy hiểm có khả năng xảy ra tại một địa điểm hoặc lưu vực sông cụ thể trong thời hạn dự báo. Nội dung bản tin phải có tối thiểu các thông tin về mô tả hiện trạng, diễn biến, mức độ hoặc giá trị của mực nước, lưu lượng nước.

3. Bản tin dự báo, cảnh báo thủy văn thời hạn vừa, bao gồm các loại bản tin sau:

a) Bản tin phân tích xu thế thủy văn: Nội dung bản tin phải có tối thiểu các thông tin về mô tả hiện trạng, diễn biến và dự báo xu thế của các yếu tố thủy văn cho vị trí dự báo hoặc lưu vực sông cụ thể trong thời hạn dự báo;

b) Bản tin dự báo, cảnh báo thủy văn: dự báo chi tiết các yếu tố thủy văn, hiện tượng thủy văn tại vị trí dự báo hoặc lưu vực sông cụ thể trong thời hạn dự báo và cảnh báo các hiện tượng thủy văn nguy hiểm có thể xảy ra. Nội dung bản tin phải có tối thiểu các thông tin về mô tả hiện trạng, diễn biến, mức độ hoặc giá trị của mực nước, lưu lượng nước và độ mặn (nếu có).

4. Bản tin dự báo, cảnh báo thủy văn thời hạn dài và thời hạn mùa: nhận định về khả năng xảy ra các hiện tượng thủy văn nguy hiểm và xu thế biến đổi của các yếu tố thủy văn tại vị trí dự báo hoặc lưu vực sông cụ thể trong thời hạn dự báo. Nội dung bản tin cần có tối thiểu các thông tin về xu thế biến đổi, các giá trị về mực nước, lưu lượng, độ mặn và nhận định về khả năng xảy ra các hiện tượng thủy văn nguy hiểm.

Điều 11. Bản tin dự báo, cảnh báo hải văn

1. Bản tin dự báo, cảnh báo hải văn thời hạn cực ngắn: dự báo các yếu tố hải văn, hiện tượng hải văn tại vùng biển dự báo và cảnh báo các hiện tượng hải văn nguy hiểm có khả năng xảy ra trong thời hạn dự báo. Nội dung bản tin phải có tối thiểu các thông tin về mô tả hiện trạng, diễn biến, mức độ hoặc giá trị của yếu tố dự báo.

2. Bản tin dự báo, cảnh báo hải văn thời hạn ngắn: dự báo chi tiết các yếu tố hải văn, hiện tượng hải văn tại vùng biển dự báo và cảnh báo các hiện tượng hải văn nguy hiểm có khả năng xảy ra trong thời hạn dự báo. Nội dung bản tin phải có tối thiểu các thông tin về mô tả hiện trạng, diễn biến, mức độ hoặc thời điểm xuất hiện và giá trị độ cao mực nước lớn, nước ròng; độ cao và hướng sóng biển; vận tốc và hướng dòng chảy biển ở lớp nước mặt.

3. Bản tin dự báo, cảnh báo hải văn thời hạn vừa, bao gồm các loại bản tin sau:

a) Bản tin phân tích xu thế hải văn: Nội dung bản tin phải có tối thiểu các thông tin về mô tả hiện trạng, diễn biến và dự báo xu thế của các yếu tố hải văn tại vùng biển cụ thể trong thời hạn dự báo;

b) Bản tin dự báo, cảnh báo hải văn: dự báo chi tiết các yếu tố hải văn, hiện tượng hải văn tại vùng biển dự báo hoặc khu vực biển, khu vực ven bờ cụ thể và cảnh báo các hiện tượng hải văn nguy hiểm có khả năng xảy ra trong thời hạn dự báo. Nội dung bản tin phải có tối thiểu các thông tin về mô tả hiện trạng, diễn biến, mức độ hoặc thời điểm xuất hiện và giá trị độ cao mực nước lớn, nước ròng; hướng và độ cao sóng biển; hướng và vận tốc dòng chảy biển ở lớp nước mặt.

4. Bản tin dự báo, cảnh báo hải văn thời hạn dài: nhận định về xu thế biến đổi của thủy triều và khả năng xảy ra triều cường tại vùng biển cụ thể trong thời hạn dự báo. Nội dung bản tin cần có tối thiểu các thông tin về xu thế biến đổi, thời điểm xuất hiện và các giá trị độ cao mực nước lớn, nước ròng.

Điều 12. Bản tin dự báo khí hậu

1. Bản tin dự báo khí hậu thời hạn ngắn: phân tích diễn biến khí hậu hiện tại và dự báo xu thế khí hậu, cực trị khí hậu, các hiện tượng khí hậu cực đoan trên quy mô toàn cầu, khu vực và chi tiết cho Việt Nam trong khoảng thời gian dự báo.

2. Bản tin dự báo khí hậu thời hạn vừa: nhận định về xu thế khí hậu, dao động khí hậu trên quy mô toàn cầu, khu vực và chi tiết cho Việt Nam trong khoảng thời gian dự báo.

3. Bản tin dự báo khí hậu thời hạn dài: cung cấp thông tin cơ bản về xu thế biến đổi khí hậu trong tương lai tương ứng với các kịch bản khác nhau về phát triển kinh tế - xã hội dẫn đến thay đổi nồng độ khí nhà kính trong khí quyển trong khoảng thời gian dự báo.

Điều 13. Bản tin dự báo nguồn nước

1. Bản tin dự báo nguồn nước thời hạn ngắn: phân tích, đánh giá tổng lượng nước mưa, thực trạng nguồn nước đến thời điểm hiện tại và dự báo tổng lượng nước mưa, dự kiến nguồn nước có khả năng đạt đến trên một hay nhiều lưu vực sông trong thời hạn dự báo. Nội dung bản tin phải có tối thiểu các thông tin về diễn biến, mức độ hoặc giá trị của tổng lượng nước mưa và tổng lượng nước.

2. Bản tin dự báo nguồn nước thời hạn vừa và thời hạn mùa, bao gồm các loại bản tin sau:

a) Bản tin thông báo nguồn nước: cung cấp thông tin về nguồn nước, tổng lượng nước và chất lượng nước (nếu có) cho các địa điểm hoặc khu vực cụ thể.

b) Bản tin dự báo nguồn nước: phân tích, đánh giá tổng lượng nước mưa, thực trạng nguồn nước đến thời điểm hiện tại và dự báo tổng lượng nước mưa, dự kiến nguồn nước có khả năng đạt đến trên một hay nhiều lưu vực sông trong thời hạn dự báo. Nội dung bản tin phải có tối thiểu các thông tin về diễn biến, mức độ hoặc giá trị của tổng lượng nước mưa và tổng lượng nước.

3. Bản tin dự báo nguồn nước thời hạn năm: phân tích, đánh giá tổng lượng nước mưa, thực trạng nguồn nước đến thời điểm hiện tại và dự báo tổng lượng nước mưa, dự kiến nguồn nước có khả năng đạt đến trên một hay nhiều lưu vực sông theo vụ đông - xuân, hè - thu. Nội dung bản tin phải có tối thiểu các thông tin về diễn biến, mức độ hoặc giá trị của tổng lượng nước mưa và tổng lượng nước.

Điều 14. Bản tin dự báo chuyên đề theo yêu cầu của người sử dụng

Bản tin dự báo chuyên đề theo yêu cầu của người sử dụng được thực hiện trên cơ sở đặt hàng hoặc thỏa thuận giữa người sử dụng và cơ quan, tổ chức, cá nhân ban hành bản tin dự báo, cảnh báo theo quy định của Luật khí tượng thủy văn và pháp luật khác có liên quan.

Điều 15. Bản tin dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên

Loại bản tin và thời hạn dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn được thực hiện theo điều ước quốc tế mà Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là thành viên.

Chương III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Hiệu lực thi hành

Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 01 tháng 7 năm 2016.

Điều 17. Trách nhiệm thi hành

1. Hệ thống dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn quốc gia và các tổ chức, cá nhân hoạt động dự báo, cảnh báo khí tượng thủy văn trên lãnh thổ Việt Nam có trách nhiệm thực hiện Thông tư này.

2. Bộ trưởng, Thủ trưởng cơ quan ngang Bộ, Thủ trưởng cơ quan thuộc Chính phủ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương và các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Thông tư này.

3. Cục trưởng Cục Khí tượng Thủy văn và Biến đổi khí hậu có trách nhiệm giúp Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra việc thực hiện Thông tư này.

4. Trong quá trình thực hiện Thông tư này, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh về Bộ Tài nguyên và Môi trường để xem xét, giải quyết./.

Nơi nhận:
- Thủ tướng và các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Trung ương Đảng;
- Toà án Nhân dân tối cao;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Cục Kiểm tra văn hăn QPPL (Bộ Tư pháp);
- UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Sở Tài nguyên và Môi trường các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;
- Công báo; Cổng Thông tin điện tử Chính phủ;
- Website Bộ Tài nguyên và Môi trường;
- Lưu: VT, PC, KTTVBĐKH. TL(200).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG



Chu Phạm Ngọc Hiển